

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2014/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2014

THÔNG TƯ**Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về
nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thủ tục, trình tự và hình thức:

1. Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành.
2. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Thu thập thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
4. Công bố và cung cấp thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp có liên quan đến tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức đặt hàng, cơ quan

phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh; cá nhân thực hiện nhiệm vụ thu thập và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thu thập và công bố thông tin về ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *"Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước"* là các nhiệm vụ được quy định tại Khoản 2 các Điều 25, 26, 27 và Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ.

2. *"Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành"* là nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang được triển khai thực hiện trong thực tế tính tại thời điểm cung cấp thông tin.

3. *"Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"* là tập hợp tài liệu về kết quả thu được từ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; phụ lục tổng hợp các số liệu điều tra, khảo sát; bản đồ, bản vẽ, ảnh, tài liệu đa phương tiện; phần mềm.

4. *"Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"* là việc tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khai báo và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

5. *"Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ"* là đơn vị được thủ trưởng cơ quan phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ giao trực tiếp quản lý nhiệm vụ.

Điều 4. Sử dụng bảng phân loại khoa học và công nghệ

Trong quá trình xử lý thông tin nhằm xác định lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, mục tiêu kinh tế - xã hội của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải sử dụng Bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 5. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc bí mật nhà nước, an ninh, quốc phòng

1. Việc thu thập và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành; đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thu thập và công bố thông tin về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang nội dung bí mật nhà nước được thực hiện phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Căn cứ vào danh mục bí mật nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định, đơn vị quản lý, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm xác định độ mật, đóng dấu độ mật và phạm vi lưu hành của tài liệu, giao nộp trực tiếp theo chế độ mật về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mang nội dung bí mật nhà nước, bí mật quân sự, an ninh quốc gia do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện thì việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Chương II**THU THẬP THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐANG TIẾN HÀNH****Điều 6. Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được ký kết, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm thu thập thông tin và gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

2. Thông tin về mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước được đưa vào 01 Phiếu thông tin theo Mẫu 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm các nội dung sau:

- a) Tên nhiệm vụ; mã số nhiệm vụ (nếu có);
- b) Thông tin về tổ chức chủ trì nhiệm vụ, cơ quan chủ quản;
- c) Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia chính;
- d) Thông tin về tổ chức phối hợp triển khai nhiệm vụ;
- đ) Mục tiêu và nội dung chính của nhiệm vụ;
- e) Lĩnh vực nghiên cứu và mục tiêu kinh tế - xã hội của nhiệm vụ;

- g) Phương pháp nghiên cứu;
- h) Kết quả dự kiến;
- i) Địa chỉ và quy mô ứng dụng dự kiến;
- k) Thời gian dự kiến bắt đầu; thời gian dự kiến kết thúc;
- l) Kinh phí thực hiện được phê duyệt.

3. Quy định việc gửi Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước như sau:

a) Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được gửi về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành được gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp bộ;

c) Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

d) Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ các cấp tài trợ được gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cùng cấp.

4. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nếu có sửa đổi, bổ sung một trong những nội dung thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nội dung sửa đổi, bổ sung được phê duyệt, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm cập nhật thông tin vào Phiếu cập nhật thông tin theo Mẫu 3 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 7. Thu thập thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước, sau khi được cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ có thẩm quyền thẩm định, được khuyến khích cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Thông tin về mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước được đưa vào 01 Phiếu thông tin theo Mẫu 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm các nội dung:

- a) Tên nhiệm vụ;
- b) Thông tin về tổ chức chủ trì nhiệm vụ (nếu có);
- c) Họ và tên chủ nhiệm vụ và các cá nhân tham gia chính;

- d) Thông tin về tổ chức phối hợp triển khai nhiệm vụ (nếu có);
- đ) Mục tiêu và nội dung chính của nhiệm vụ;
- e) Lĩnh vực nghiên cứu và mục tiêu kinh tế - xã hội của nhiệm vụ;
- g) Phương pháp nghiên cứu;
- h) Kết quả dự kiến;
- i) Thời gian dự kiến bắt đầu; thời gian dự kiến kết thúc;
- k) Địa chỉ và quy mô ứng dụng dự kiến;
- l) Kinh phí thực hiện.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước thuộc bộ, ngành nào thì gửi Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ của bộ, ngành đó.

4. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước thuộc địa phương nào thì gửi Phiếu thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành không sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh của địa phương đó.

5. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nếu có sửa đổi, bổ sung một trong những nội dung thông tin quy định tại Khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm cập nhật thông tin sửa đổi, bổ sung vào Phiếu cập nhật thông tin theo Mẫu 4 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

6. Tiêu chí xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại các Điều 25, 26, 27, 28 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước chỉ được đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ sau khi được cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và công nghệ có thẩm quyền thẩm định. Tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin được quyền truy cập và sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

8. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước khi chưa được cơ quan nhà nước quản lý về khoa học và công nghệ có thẩm quyền thẩm định thì thông tin về nhiệm vụ này không được đưa vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.